

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC TUYỀN TRUYỀN QUỐC GIA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC TUYỀN TRUYỀN QUỐC GIA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM NATIONAL PROPAGANDA COOPERATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINAPC.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110858866

**3. Ngày thành lập:** 10/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 34 Ngõ 562 phố Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0866 989 623

Fax:

Email: [thanhbv.vinapc@gmail.com](mailto:thanhbv.vinapc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310(Chính) |
| 2.  | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7420        |
| 3.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>Chi tiết: Điều tra thị trường tiềm năng, sự chấp nhận, tính liên quan của sản phẩm và thói quen mua sắm của người tiêu dùng cho mục đích xúc tiến bán và phát triển những sản phẩm mới, bao gồm kết quả phân tích thống kê;                                                                    | 7320        |
| 4.  | Hoạt động xuất bản khác<br>Chi tiết:<br>- Xuất bản trực tuyến catalog; ảnh, bản khắc và bưu thiếp; thiếp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu khác;<br>- Xuất bản trực tuyến con số thống kê hoặc các thông tin khác;<br>- Xuất bản in hoặc dạng khác catalog; | 5819        |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.                                                                                              | 8230        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | <p>In ấn</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- In ấn báo chí, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác, sách và sách quảng cáo, bản thảo âm nhạc, bản đồ, tập bản đồ, áp phích, mục lục quảng cáo, tờ quảng cáo và các ấn phẩm quảng cáo khác, tem bưu điện, tem thuế, tài liệu, séc và các chứng khoán bằng giấy khác, nhật ký, lịch, các mẫu văn bản thương mại và các ấn phẩm in ấn thương mại khác, đồ dùng văn phòng phẩm cá nhân và các ấn phẩm khác bằng chữ, in ốp-sét, in nổi, in bản thạch và các thuật in khác, bản in máy copy, in máy vi tính, in chạm nổi;</p> <p>- In trực tiếp lên vải dệt, nhựa, kim loại, gỗ và gốm;</p> | 1811 |
| 7.  | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết: - Đại lý bán vé máy bay; - Giao nhận hàng hóa;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5229 |
| 8.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 9.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621 |
| 10. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5629 |
| 11. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7721 |
| 12. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7911 |
| 13. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7912 |
| 14. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7990 |
| 15. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8219 |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7020 |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4651 |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652 |
| 19. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299 |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4741 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>MINH HOA | Số 7 Ngách 65/29<br>phố Võng Thị,<br>Phường Bưởi,<br>Quận Tây Hồ,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       | 0011780185<br>12                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                            | Tổng số                            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ ĐÌNH<br>LONG        | Số 6 Ngách<br>354/174 đường<br>Trường Chinh,<br>Phường Khương<br>Thượng, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       | 0010760044<br>74                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                            | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                              |                           |        |             |        |              |
|---|---------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | BÙI VĂN THANH | Khu phố Vân Du, Thị Trấn Vân Du, Huyện Thạch Thành, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  | 038091027200 |
|   |               |                                                                              | Cổ phần phổ thông         | 70.000 | 700.000.000 | 35,000 |              |
|   |               |                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                                              | Tổng số                   | 70.000 | 700.000.000 | 35,000 |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI VĂN THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/08/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038091027200

Ngày cấp: 07/10/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu phố Vân Du, Thị Trấn Vân Du, Huyện Thạch Thành, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Vân Du, Thị Trấn Vân Du, Huyện Thạch Thành, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội